

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Đảm bảo đầy đủ thiết bị đồ dùng học tập, vui chơi, đồ dùng bán trú phù hợp với lứa tuổi của trẻ nhà trẻ - Trang bị đầy đủ đồ dùng, thiết bị theo danh mục đồ chơi của Bộ giáo dục và Đào tạo	- Đảm bảo đầy đủ thiết bị đồ dùng học tập, vui chơi, đồ dùng bán trú phù hợp với lứa tuổi của trẻ mẫu giáo - Trang bị đầy đủ đồ dùng, thiết bị theo danh mục đồ chơi của Bộ giáo dục và Đào tạo
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Chương trình chăm sóc giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chương trình chăm sóc giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- Lĩnh vực phát triển thể chất đạt 95.5% - Lĩnh vực phát triển nhận thức đạt 93.6% - Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ đạt 93.7% - Lĩnh vực phát triển TC-KNXH đạt 94.2%	- Lĩnh vực phát triển thể chất đạt 93.4% - Lĩnh vực phát triển nhận thức đạt 92.8% - Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ đạt 93.5% - Lĩnh vực phát triển TC-KNXH đạt 94.2% - Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ đạt 94.3%

IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Hằng năm, đơn vị luôn quan tâm đến việc tổ chức các sự kiện, lễ hội, hội thi, chuyên đề chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ nhằm tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, học tập phát triển kỹ năng sống, khả năng tự tin giao tiếp với mọi người xung quanh	- Hằng năm, đơn vị luôn quan tâm đến việc tổ chức các sự kiện, lễ hội, hội thi, chuyên đề chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ nhằm tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, học tập phát triển kỹ năng sống, khả năng tự tin giao tiếp với mọi người xung quanh
----	---	---	---

Quận 8, ngày 09 tháng 9 năm 2020



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Yến

THÔNG BÁO**Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2020 - 2021**

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 Tháng tuổi	13-24 Tháng tuổi	25-36 Tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	401	0	0	25	82	120	174
1	Số trẻ em nhóm ghép	0	0	0	0	0	0	0
2	Số trẻ em học 1 buổi/ ngày	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ em học 2 buổi/ ngày	401	0	0	25	82	120	174
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	401	0	0	25	82	120	174
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	401	0	0	25	82	120	174
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	401	0	0	25	82	120	174
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	370	0	0	24	76	112	158
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	391	0	0	25	82	120	174
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	0	0	0	0	0	0	0
5	Số trẻ thừa cân béo phì	31	0	0	1	6	8	16

VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	401	00	00	25	82	120	174
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	Chương trình chăm sóc giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.						
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	Chương trình chăm sóc giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.						

Quận 8, ngày 09 tháng 9 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Yến

THÔNG BÁO

**Kết quả công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
năm học 2020-2021**

Stt	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	22	3,52 m ² /trẻ
II	Loại phòng học	13	-
1	Phòng học kiên cố	13	1.77 m ² /trẻ
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	02	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	1411 m ²	3.7 m ² /trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	677 m ²	1,8 m ² /trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	59,44 m ²	1.6 m ² /trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	89.9 m ²	0.30 m ² /trẻ
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	576,68 m ²	1.45 m ² /trẻ
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)		
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	40m ²	1.6 m ² /trẻ
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	55.52 m ²	0.15 m ² /trẻ
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	13	Số bộ/nhóm (lớp)



1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	13	1 /nhóm (lớp)
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		
VII I	Tổng số đồ chơi ngoài trời	11	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	14 máy vi tính	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	13	01 /nhóm (lớp)
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	14	Sử dụng chung ở phòng GDNT
3	Máy photo	01	Sử dụng chung
5	Catsset	13	01 /nhóm (lớp)
6	Đầu Video/đầu đĩa	13	01 /nhóm (lớp)
7	Thiết bị khác	02	1 bảng tương tác 1 máy chiếu

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng (m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/ Nữ	Chung	Nam/ Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	5	64	36/28	90	0,23
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

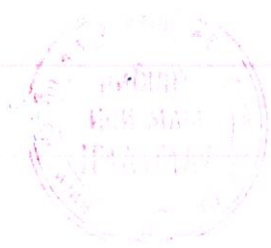
		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	

Quận 8, ngày 09 tháng 9 năm 2020

HIỆN TRƯỞNG

Phạm Thị Yến





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2020-2021

[illegible]

4	Nhân viên y tế	0													
5	Nhân viên thư viện	0													
6	Nhân viên khác	04					04	04							

Quận 8, ngày 09 tháng 9 năm 2020



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Yến